TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 37/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-10-2018
Tranh chấp ly hôn và nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quốc

2. Bà Võ Thị Thúy An

- ***Thư ký phiên tòa***: ông Nguyễn Chí Tâm - Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa***: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2018 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/9/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Thị Kiều T, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp M, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn N, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Mai Thị Kiều T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị T và anh N kết hôn năm 2005, được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Do anh N có tính lăng nhăn, tiền bạc anh N làm ra thì anh chi sài cá nhân không đem về lo cho gia đình vợ, con. Đến khoản tháng 6/2017 anh N chung sống với nhân tình, bỏ mặc mẹ con chị T, chị đã hết lời khuyên can nhưng anh N vẫn không từ bỏ mối quan hệ bất chính nên từ đó chị T và anh N sống ly thân khoản 01

năm. Nay vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàn gắng nên chị T yêu cầu ly hôn với anh N.

- *Về con chung*: Chị T xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Đỗ Tấn Đ, giới tính: nam, sinh ngày 07/5/2006 và Đỗ Khánh D, giới tính nam, sinh ngày 26/7/2009, từ khi ly thân đến nay anh N là người trực tiếp nuôi con, đến khoản tháng 8/2018 cháu Đ và cháu D về chung sống với chị T cho đến nay. Nay chị T yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Chị T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị T xác định vợ chồng không nợ ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N để anh trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T cũng như tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng anh N không nộp bản tự khai cho Tòa án, cố tình trốn tránh, vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mai Thị Kiều T và anh Đỗ Văn N. Về con chung đề nghị giao cháu Đỗ Tấn Đ, giới tính: nam, sinh ngày 07/5/2006 và Đỗ Khánh D, giới tính nam, sinh ngày 26/7/2009 cho chị T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh Đỗ Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của anh N không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh N.

[2] *Quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn chị T yêu cầu ly hôn với bị đơn anh N và có yêu cầu nuôi con chung. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong

vụ án là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án*: Chị T và anh N được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2005, anh chị chung sống là tự nguyện và không vị phạm các điều kiện cấm kết hôn, quá trình chung sống anh, chị không đến Ủy ban nhân dân có thẩm quyền để đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và Gia đình thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Nay anh, chị mâu thuẩn và chị T xin ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh N.

[4] *Về con chung:* Chị T xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Đỗ Tấn Đ, giới tính: nam, sinh ngày 07/5/2006 và Đỗ Khánh D, giới tính nam, sinh ngày 26/7/2009. Chị T yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng. Xét thấy nguyện vọng của cháu Đ và cháu D đều mong muốn được chung sống với mẹ, chính quyền địa phương xác nhận chị T có đủ điều kiện nuôi con, cháu Đ và cháu D hiện đang sống với chị T. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 *(quy định về việc trông nôm, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn)* của Luật hôn nhân và gia đình 2014, giao cháu Đỗ Tấn Đ, giới tính: nam, sinh ngày 07/5/2006 và Đỗ Khánh D, giới tính nam, sinh ngày 26/7/2009 chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Do chị T không yêu cầu nên không xem xét.

[6] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và không thiếu nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí sơ thẩm:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, nguyên đơn chị T chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 57,

của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; các Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mai Thị Kiều T và anh Đỗ Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Tấn Đ, giới tính: nam, sinh ngày 07/5/2006 và Đỗ Khánh D, giới tính nam, sinh ngày 26/7/2009 chị T trực tiếp nuôi dưỡng (cháu Đ và cháu D chung sống với chị T), anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh N có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và không thiếu nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Mai Thị Kiều T chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005595 ngày 15/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hánh án dân sự.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/10/2018). Bị đơn anh Đỗ Văn N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Bình Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phượng